

HỒ SƠ YÊU CẦU

(Cung cấp Đất mùn hữu cơ năm 2021 của
Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển)

Phát hành ngày: 28 tháng 12 năm 2020.

Ban hành kèm theo Quyết định số: 485./QĐ-PLVD, ngày 28 tháng 12 năm 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN
PHÂN LÂN NUNG CHÁY VĂN ĐIỂN



TỔNG GIÁM ĐỐC
Văn Hồng Sơn

GIẢI THÍCH TỪ NGỮ

Hàng hóa	Đất mùn hữu cơ
Bên mời cung cấp hàng hóa	Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển
Hồ sơ yêu cầu	Là những nội dung của bên mời cung cấp hàng hóa yêu cầu nhà cung cấp
Hồ sơ đề xuất	Là những nội dung, văn bản liên quan của nhà cung cấp hàng hóa nhằm đáp ứng yêu cầu của bên mời cung cấp hàng hóa

Cep

Chương I. YÊU CẦU NỘI DUNG HỒ SƠ ĐỀ XUẤT

Mục 1. Khái quát

1. Tên bên mời cung cấp hàng hóa là: Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển.

2. Bên mời cung cấp hàng hóa mời nhà cung cấp tham gia chào hàng cạnh tranh: Cung cấp đất mùn hữu cơ trong năm 2021 cho Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển. Phạm vi công việc, yêu cầu của việc cung cấp hàng hóa được nêu tại chương II của Hồ sơ yêu cầu này.

3. Loại hợp đồng: Theo đơn giá cố định.

Mục 2. Tư cách hợp lệ của nhà cung cấp hàng hóa

Nhà cung cấp là tổ chức/hộ kinh doanh có tư cách hợp lệ để tham gia nộp Hồ sơ đề xuất cung cấp hàng hóa khi đáp ứng điều kiện sau đây:

Có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/hộ kinh doanh, quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp; trong đó có ngành nghề kinh doanh đất (đất mùn hữu cơ).

Mục 3. Đơn chào hàng, giá chào và biểu giá

1. Nhà cung cấp phải nộp đơn chào hàng (mẫu 01) và bảng giá chào hàng (mẫu số 02) tại chương III, các ô để trống phải điền đầy đủ thông tin theo yêu cầu.

2. Giá chào là giá do nhà cung cấp ghi trong đơn chào hàng, bao gồm toàn bộ các chi phí (chưa tính giảm giá) để thực hiện cung cấp hàng hóa trên cơ sở yêu cầu của Hồ sơ yêu cầu, kể cả thuế, phí, lệ phí và chi phí liên quan khác (nếu có). Trường hợp nhà cung cấp tuyên bố giá chào không bao gồm thuế, phí, lệ phí và chi phí liên quan khác (nếu có) thì Hồ sơ đề xuất của nhà cung cấp sẽ bị loại.

3. Trường hợp nhà cung cấp có đề xuất giảm giá thì đề xuất riêng trong thư giảm giá hoặc có thể ghi trực tiếp vào đơn chào hàng và bảo đảm bên mời cung cấp nhận được trước thời điểm hết hạn nộp Hồ sơ đề xuất.

Mục 4. Thành phần của Hồ sơ đề xuất

Hồ sơ đề xuất của nhà cung cấp phải bao gồm các nội dung sau:

1. Đơn chào hàng theo mẫu số 01 tại chương III.

2. Biểu giá theo mẫu số 02 tại chương III.

3. Bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/hộ kinh doanh, quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp.

4. Các nội dung cần thiết khác:

- Giá chào hàng được chào bằng đồng tiền Việt Nam;
- Có giá chào cố định, không chào giá theo nhiều mức giá hoặc có kèm điều kiện;
- Giá chào hàng đã bao gồm:
 - + Chi phí vận chuyển hàng đến bên mua;
 - + Thuế, phí, lệ phí và các chi phí khác có liên quan khác (nếu có).

Mục 5. Thời hạn hiệu lực của Hồ sơ đề xuất

Thời gian có hiệu lực của Hồ sơ đề xuất là 20 ngày, kể từ ngày có thời điểm hết hạn nộp Hồ sơ đề xuất.

Mục 6. Nộp, tiếp nhận, đánh giá Hồ sơ đề xuất

1. Nhà cung cấp phải nộp Hồ sơ đề xuất trực tiếp hoặc qua đường bưu điện/thư điện tử/fax về địa chỉ: Phòng Vật tư - Tổng hợp, Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển, đường Phan Trọng Tuệ, xã Tam Hiệp, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội; điện thoại: 0243.688.4489/043.688.5174, fax: 0243.688.4277, email: vandienfmp@gmail.com; không muộn hơn ..~~1.6.~~ giờ ..~~1.5.~~ phút, ngày ..~~3.0.~~ tháng 12 năm 2020. Các Hồ sơ đề xuất được gửi đến bên mời cung cấp sau thời điểm hết hạn nộp Hồ sơ đề xuất sẽ không được xem xét.

2. Bên mời cung cấp chịu trách nhiệm bảo mật các thông tin trong Hồ sơ đề xuất của từng nhà cung cấp. Ngay sau khi kết thúc thời hạn nộp Hồ sơ đề xuất, bên mời cung cấp lập văn bản tiếp nhận các Hồ sơ đề xuất bao gồm tối thiểu các nội dung: tên nhà cung cấp, giá chào, thời gian có hiệu lực của Hồ sơ đề xuất và gửi văn bản tiếp nhận này đến các nhà cung cấp đã nộp Hồ sơ đề xuất.

3. Bên mời cung cấp so sánh các Hồ sơ đề xuất theo Hồ sơ yêu cầu để đánh giá các Hồ sơ đề xuất.

Mục 7. Điều kiện nhà cung cấp được lựa chọn để cung cấp hàng hóa

Nhà cung cấp được lựa chọn để cung cấp hàng hóa khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

1. Đáp ứng các tiêu chí quy định trong Hồ sơ yêu cầu của bên mời cung cấp hàng hóa.
2. Có giá chào sau sửa lỗi, trừ đi giảm giá (nếu có) thấp nhất.

Mục 8. Công khai kết quả lựa chọn nhà cung cấp hàng hóa

1. Kết quả lựa chọn nhà cung cấp sẽ được gửi đến tất cả nhà cung cấp đã nộp Hồ sơ đề xuất.

2. Khi nhận được thông báo về kết quả lựa chọn nhà cung cấp, nếu có nhà cung cấp không được lựa chọn gửi văn bản hỏi về lý do không được lựa chọn thì trong vòng 05 ngày làm việc bên mời cung cấp sẽ có văn bản trả lời gửi cho nhà cung cấp đó.

Mục 9. Giải quyết kiến nghị

Nhà cung cấp có quyền kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà cung cấp và những vấn đề liên quan trong quá trình tham gia chào hàng cạnh tranh khi thấy quyền, lợi ích của mình bị ảnh hưởng theo quy định của Pháp luật.

BT
NI
SP
NI
N
TR

Coop

Chương II. PHẠM VI, YÊU CẦU CỦA HÀNG HÓA

Nhà cung cấp phải cung cấp hàng hóa trong năm 2021 theo đúng yêu cầu tại bảng dưới đây.

TT	Tên hàng hóa	Chất lượng, quy cách hàng hóa	Số lượng, tiến độ giao nhận hàng	Địa điểm giao nhận hàng
1	Đất mùn hữu cơ màu đen	1. Chất lượng: Theo mẫu được hai bên thống nhất; độ ẩm tối đa $\leq 6\%$. 2. Quy cách : Đóng bao bình quân 50 kg (bao tận dụng).	Theo nhu cầu của bên mua; số lượng, tiến độ cụ thể theo từng tháng được bên mua thông báo cho bên bán tối thiểu trước 03 ngày.	Tại bên mua: Đường Phan Trọng Tuệ, xã Tam Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội.
2	Đất mùn hữu cơ màu xanh, màu đỏ, màu hồng, màu trắng	1. Chất lượng: Theo mẫu được hai bên thống nhất; độ ẩm tối đa $\leq 8\%$. 2. Quy cách : Đóng bao bình quân 50 kg (bao tận dụng).		

Mẫu hàng hóa được bên mời cung cấp gửi cho nhà cung cấp khi phát hành Hồ sơ yêu cầu.

Chương III. BIỂU MẪU

Mẫu số 01

Ngày: _____ [Điền ngày, tháng, năm ký đơn chào hàng]

ĐƠN CHÀO HÀNG

Cung cấp Đất mùn hữu cơ năm 2021 cho
Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển

Kính gửi: Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển

Sau khi nghiên cứu Hồ sơ yêu cầu của Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển và văn bản sửa đổi Hồ sơ yêu cầu số _____ [Ghi số của văn bản sửa đổi (nếu có)] mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi, _____ [Ghi tên nhà cung cấp], cam kết thực hiện cung cấp Đất mùn hữu cơ cho Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển theo đúng các tiêu chí trong Hồ sơ yêu cầu với đơn giá cố định dưới đây cùng với biểu giá kèm theo; thời gian thực hiện hợp đồng trong năm 2021:

- Đất mùn hữu cơ màu đen: _____ đ/tấn [Ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền]
- Đất mùn hữu cơ màu xanh, màu đỏ, màu hồng: _____ đ/tấn [Ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền]
- Đất mùn hữu cơ màu trắng: _____ đ/tấn [Ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền]

Chúng tôi cam kết:

1. Chỉ tham gia trong một Hồ sơ đề xuất này với tư cách là nhà cung cấp chính.
2. Nếu Hồ sơ đề xuất của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ bảo đảm cung cấp hàng hóa đảm bảo đúng chất lượng, quy cách, số lượng, tiến độ, địa điểm giao hàng cho Công ty cổ phần Phân lân Văn Điển theo đúng các tiêu chí trong Hồ sơ yêu cầu, cũng như các nội dung được nêu trong dự thảo hợp đồng.

Hồ sơ đề xuất này có hiệu lực trong thời gian 20 ngày, kể từ ngày _____ [Ghi ngày, tháng, năm có thời điểm hết hạn nộp Hồ sơ đề xuất].

Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp hàng hóa

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

BẢNG GIÁ CHÀO CỦA HÀNG HÓA

STT	Nội dung	Đơn giá (đồng/tấn)
1	Đất mùn hữu cơ màu đen	
2	Đất mùn hữu cơ màu xanh, màu đỏ, màu hồng	
3	Đất mùn hữu cơ màu trắng	

Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp hàng hóa

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

Đơn giá trên bao gồm các chi phí cần thiết để cung cấp hàng hóa theo yêu cầu của bên mời cung cấp hàng hóa, trong đó bao gồm thuế, phí, lệ phí và các chi phí liên quan (nếu có)...; khi tham gia chào hàng cạnh tranh, nhà cung cấp hàng hóa phải chịu trách nhiệm tìm hiểu, tính toán và chào đầy đủ các loại thuế, phí, lệ phí và các chi phí liên quan khác (nếu có)... theo thuế suất, mức phí, lệ phí... trước thời điểm hết hạn nộp Hồ sơ đề xuất.

Chương IV. DỰ THẢO HỢP ĐỒNG

Về việc: _____

Số: _____

- Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Luật thương mại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2005 và các văn bản pháp luật liên quan;

- Căn cứ Quyết định số ___ ngày ___ tháng ___ năm ___ về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà cung cấp hàng hóa và thông báo kết quả lựa chọn nhà cung cấp ___ ngày ___ tháng ___ năm ___ của Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển;

- Căn cứ biên bản hoàn thiện hợp đồng đã được bên mời cung cấp hàng hóa và nhà cung cấp ký ngày ___ tháng ___ năm ___;

Hôm nay, ngày ___ tháng ___ năm 2020, tại Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển, chúng tôi gồm:

BÊN MUA: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____

Người đại diện: _____

Sau đây gọi là Bên A

Fax: _____

- Chức vụ: _____

BÊN BÁN: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____

Người đại diện: _____

Sau đây gọi là Bên B

Fax: _____

- Chức vụ: _____

Thống nhất ký hợp đồng mua bán Đất mùn hữu cơ năm 2021 với những điều khoản như sau:

Điều 1: Hàng hóa

1.1. Tên hàng hóa: Đất mùn hữu cơ màu đen.

a. Số lượng: Theo nhu cầu của Bên A; số lượng cụ thể từng tháng Bên A sẽ thông báo cho Bên B tối thiểu trước 03 ngày.

b. Chất lượng: Theo mẫu được hai bên thống nhất, độ ẩm tối đa là 6%.

c. Quy cách: Đóng bao tận dụng, trọng lượng bình quân 50kg/bao.

1.2. Tên hàng hóa: Đất mùn hữu cơ màu xanh; màu đỏ; màu hồng; màu trắng.

- a. Số lượng: Theo nhu cầu của Bên A; số lượng cụ thể từng tháng Bên A sẽ thông báo cho Bên B tối thiểu trước 03 ngày.
- b. Chất lượng: Theo mẫu được hai bên thống nhất, độ ẩm tối đa là 8%.
- c. Quy cách: Đóng bao tận dung, trọng lượng bình quân 50kg/bao.

Điều 2: Tiến độ và phương thức giao nhận hàng

2.1. Tiến độ giao hàng:

Khi có nhu cầu nhận hàng, Bên A thông báo cho Bên B bằng văn bản tối thiểu trước 03 ngày; Bên B có trách nhiệm bố trí phương tiện vận chuyển và giao hàng cho Bên A theo đúng tiến độ. Trường hợp Bên B giao hàng chậm tiến độ thì phải chịu phạt chậm giao hàng theo Điều 4 của hợp đồng.

2.2 Phương thức giao nhận:

- a. Địa điểm giao nhận: Giao trên phương tiện vận chuyển của Bên B tại kho của Bên A ở Văn Điển, Thanh Trì, Hà Nội; Bên A tự bốc hàng vào kho.
- b. Khối lượng giao nhận theo trọng lượng thực tế qua cầu cân của Bên A, sau khi đã trừ trọng lượng vỏ bao.
- c. Hàng hóa đảm bảo chất lượng theo quy định tại Điều 1 của Hợp đồng; Trường hợp hàng hóa không đạt chất lượng, Bên A có quyền từ chối nhận hàng.

Điều 3: Giá và phương thức thanh toán

3.1. Giá: Giá bán giao trên phương tiện vận chuyển của Bên B tại kho của Bên A, có thuế GTGT như sau:

- + Đất mùn hữu cơ màu đen:đồng/tấn;
- + Đất mùn hữu cơ màu xanh, màu đỏ, màu hồng:đồng/tấn;
- + Đất mùn hữu cơ màu trắng:đồng/tấn.

Giá trên được thực hiện kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực; khi Nhà nước thay đổi chính sách hoặc có những yếu tố khác ảnh hưởng lớn đến giá cả thì hai bên sẽ bàn bạc để thay đổi cho phù hợp.

3.2. Phương thức thanh toán:

- Thanh toán theo khối lượng giao nhận tại Điều 2 của Hợp đồng.
- Thời hạn thanh toán: Bên A thanh toán cho bên B trong vòng 15 ngày kể từ ngày bên A nhận được hóa đơn tài chính và chứng từ hợp lệ do bên B cung cấp.
- Thanh toán bằng chuyển khoản qua Ngân hàng.

Điều 4: Điều khoản phạt chậm giao hàng

Nếu Bên B chậm giao hàng theo quy định tại Điều 2 của Hợp đồng thì Bên B phải chịu phạt chậm giao hàng, với mức phạt bằng 02% tổng giá trị lô hàng chưa giao của tháng đó (theo kế hoạch Bên A thông báo cho Bên B). Trường hợp Bên B chậm giao hàng trong 03 tháng liên tiếp thì Bên A có quyền ngừng nhận hàng.



Điều 5: Trách nhiệm của các bên

5.1. Trách nhiệm Bên A

- Thông báo cho Bên B về số lượng hàng cụ thể cần nhập từng tháng tối thiểu trước 03 ngày;
- Phân tích và xác định về chất lượng đối với từng lô hàng do Bên B giao;
- Thanh toán đầy đủ cho Bên B theo quy định của hợp đồng;
- Các trách nhiệm khác quy định của hợp đồng và quy định của pháp luật hiện hành có liên quan.

5.2. Trách nhiệm của Bên B

- Giao hàng cho Bên A theo đúng số lượng, chất lượng, tiến độ đã được hai bên thống nhất;
- Yêu cầu Bên A thanh toán theo quy định của hợp đồng;
- Các trách nhiệm khác quy định của hợp đồng và quy định của pháp luật hiện hành có liên quan.

Điều 6: Trường hợp bất khả kháng

6.1. Các bên ký kết sẽ không phải chịu trách nhiệm do không thực hiện nghĩa vụ của Hợp đồng trong trường hợp gặp phải sự kiện bất khả kháng như: Chiến tranh, thiên tai, dịch họa, lũ lụt, đình công,... Ngay khi xảy ra sự kiện bất khả kháng, bên gặp phải sự kiện bất khả kháng phải thông báo cho bên kia bằng văn bản về sự kiện, khả năng ảnh hưởng và cách khắc phục, thông báo này được gửi trong vòng 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện. Quá thời hạn này bất khả kháng sẽ không được công nhận và bên không thực hiện nghĩa vụ theo Hợp đồng phải bồi thường.

6.2. Trường hợp bất khả kháng chỉ được chấp nhận sau đó, nếu có tài liệu chứng minh hoặc được xác nhận bởi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Điều 7: Các điều khoản khác

7.1. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày **01/01/2021** đến ngày **31/12/2021** và tự động được thanh lý sau khi Hợp đồng hết hiệu lực và khi các bên đã hoàn thành xong toàn bộ nghĩa vụ đối với nhau theo hợp đồng.

7.2. Trường hợp Bên B không thể giao hàng đúng tiến độ do xảy ra sự kiện bất khả kháng hoặc lý do khách quan khác; Bên B phải gửi văn bản cho Bên A và được Bên A chấp thuận bằng văn bản. Theo đó, hai bên sẽ trao đổi và ký phụ lục hợp đồng về việc điều chỉnh tiến độ giao hàng.

7.3. Mọi sự sửa đổi, bổ sung cho Hợp đồng này chỉ có giá trị khi hai bên thoả thuận bằng văn bản.

7.4. Nếu bên nào vi phạm hợp đồng, gây thiệt hại cho bên kia thì phải chịu trách nhiệm bồi

thường theo quy định của pháp luật. Mọi tranh chấp phát sinh từ/hoặc liên quan đến hợp đồng này các bên sẽ tự thỏa thuận, nếu không tự giải quyết được thì yêu cầu Tòa án nhân dân có thẩm quyền nơi Bên A đặt trụ sở giải quyết. Phán quyết của tòa án là phán quyết cuối cùng, bên nào thua thì chịu phạt theo quy định của pháp luật.

7.5. Hợp đồng này được lập thành 04 bản, mỗi bản có 04 trang, có giá trị pháp lý như nhau, mỗi Bên giữ 02 bản./.

ĐẠI DIỆN BÊN B

ĐẠI DIỆN BÊN A